TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-PT
Ngày: 08 – 6 - 2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **- Ông Nguyễn Hồng Thanh**
- *Các Thẩm phán*: **- Ông Hồ Văn Luông**
- Ông Nguyễn Đình Tiến

- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Nguyễn Lê Nam** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang*: **Bà Đặng Kim Quang** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 tháng 5 và ngày 08 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2020/QĐ-PT, ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Minh M, sinh năm: 1942;

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Quốc H, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn K – chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T1 - chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L.

Địa chỉ trụ sở: ấp 1, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1947;

- Bà Võ Thị L, sinh năm: 1953;

- Anh Đặng Minh Đ, sinh năm: 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

- Anh Lê Văn Vũ A1, sinh năm: 1991;

- Ông Dương Văn H1, sinh năm: 1966;

- Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm: 1939;

- Ông Lê Văn A2, sinh năm: 1934;

- Bà Đặng Thị C, sinh năm: 1941;

- Ông Đặng Minh T3, sinh năm: 1948;

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Đặng Thị H2, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lương Tâm, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Người kháng cáo: ông Đặng Minh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Đặng Minh M trình bày: Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ là cụ Đặng Minh Trạng và cụ Trần Thị Giấy, đầu tiên vào khoảng trước năm 1975 phần đất này do ông M sử dụng, đến năm 1994 ông M cho lại ông Đặng Minh T3 (em trai thứ 4 của ông M và ông H) sử dụng được vài ngày thì ông M lấy lại giao cho ông Đặng Quốc H sử dụng dưới sự động viên của mẹ là cụ Giấy. Lúc ông M cho đất ông H thì không làm giấy tờ gì chỉ nói miệng, và hai bên có thỏa thuận là phải chừa cho ông M một đường đi ngang khoảng 6-7m chạy dài từ trên xuống tới sông khoảng 25m, việc thỏa thuận cũng không làm giấy tờ, nhưng ông H và cụ Giấy thống nhất chừa đường đi cho ông M. Năm 1995 ông H đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M không hay biết. Đến năm 2016 ông M phát hiện ông H đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng bao trùm lên phần đất đường đi của ông M và rào lại không cho ông M ra vào nên hai bên phát sinh tranh chấp cho đến nay. Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông Đặng Quốc H phải trả lại cho ông M phần đất có diện tích theo lược đồ đo đạc thực tế ngày 26/02/2019 là 134,9m^2.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Quốc H trình bày: Ông H thừa nhận nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ là cụ Đặng Minh Trạng và cụ Trần Thị Giấy, nhưng ông H không thống nhất lời trình bày của ông M. ông H là con thứ 5, còn ông M là anh thứ 3 trong gia đình. Ông H về sử dụng đất từ năm 1982, đến năm 1990 – 1992 thì cha mẹ mới chia đất cho các con trong gia đình, ông H được mẹ cho khoảng 12 công tầm 03m trong đó có phần đất tranh chấp, ông M cũng đồng ý. Ông H sử dụng đất đến năm 1995 đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, lúc này ông M cũng không có ý kiến gì mà còn đứng

ra chỉ ranh mốc cho đoàn đo đạc. Đến khi có đoàn đo đạc chính quy vào đo để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M không cho đo và cố tình ngăn cản đối với phần đất này và cho rằng phần đất trên đang tranh chấp. Từ trước đến nay thì ông H vẫn để một lối đi rộng khoảng 6m để các anh em cùng sử dụng chung, ông trồng cây cối và quản lý phần đất, ông M cũng không có ý kiến gì, nay ông M cho rằng ông H rào lại không cho ông M đi là không đúng. Khoảng năm 2016 ông M có tổ chức họp mặt anh em lại để xin ông H cho ông M một đường đi ra vô nhà, ông H cũng thống nhất cho ông M diện tích đường đi ngang 6m dài tới sông, nhưng ông M chê ít không chịu nhận mà đòi thêm và cho rằng đất này là của ông M yêu cầu ông H trả lại, từ đó phát sinh tranh chấp. Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông H trả lại phần đất trên thì ông H không đồng ý và yêu cầu được tiếp tục ổn định sử dụng, vì đất này là của ông H.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà T2 là vợ ông Đặng Minh M thống nhất với lời trình bày của ông M về nguồn gốc phần đất và yêu cầu khởi kiện của ông M, bà T2 không có yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L trình bày: Bà L là vợ ông Đặng Quốc H thống nhất với lời trình bày của ông về phần đất đang tranh chấp, bà L không có yêu cầu gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L - người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Quốc H, địa chỉ ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/01/1995, với tổng diện tích là 35.970m^2, gồm các thửa đất sau: 164, 165, 166, 167, 482, 861 được Hội đồng đăng ký đất đai xã L xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Mục II, Quyết định số 201-QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất về việc ban hành Quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000107 ngày 22 tháng 8 năm 1995 tại các thửa nêu trên và ông Đặng Quốc H kê khai sử dụng đất là đúng đối tượng. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Quốc H là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật theo Khoản 1, Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định: "Người sử dụng đất ổn định, được ủy ban xã phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Ủy ban nhân dân huyện L không có ý kiến gì khác yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Minh Đ trình bày: Trước đây ông M là cha ruột anh Đ có cho anh Đ xây dựng một căn nhà để bán thức ăn trên phần đất mà hiện nay đang tranh chấp, đến khi có thông tin xây cầu ngang phần đất nên anh mới tháo dỡ và dời nhà đi nơi khác. Nền nhà được xây dựng bằng bê tông, hiện nay đã hư hỏng và không

còn sử dụng nên nay giữa ông M và ông H có tranh chấp với nhau thì anh không có yêu cầu gì và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh M đối với bị đơn ông Đặng Quốc H

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2019, ông Đặng Minh M có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Ông M yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông vì ông cho rằng phần đất này do ông khai phá từ trước năm 1975 và sử dụng liên tục, ổn định, không phải cha mẹ cho ông Đặng Quốc H, việc ông H đi kê khai cấp quyền sử dụng ông không hay biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông M cho rằng phần đất tranh chấp là do ông khai phá và sử dụng từ trước năm 1975, chứ không phải của cha mẹ, đến năm 1994 cho em thứ tư là Đặng Minh T3 nhưng được vài ngày ông lấy lại giao lại cho bị đơn ông H theo sự động viên của mẹ. Vào thời điểm đó, mẹ là cụ Giấy yêu cầu ông giao cho ông H phần đất chạy dài đến sông, ông không đồng ý, nhưng do cụ Giấy nói không cho ông H bà sẽ từ ông, vì sợ mẹ buồn nên ông đồng ý giao cho ông H nhưng có thỏa thuận chừa lại phần đất tranh chấp để làm lối đi ra lộ và sông để thuận tiện đi lại. Lúc thỏa thuận chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Còn về căn nhà của Đặng Minh Đ được xây cất vào năm 2002 để buôn bán xây cất trên đất của ông, năm 2016 phát sinh tranh chấp đưa ra hòa giải tại chính quyền ấp 8, khi đó ông có nói là xây dựng trên đất của ông nhưng do phát sinh tranh chấp nên ông kêu Đương dỡ nhà, chờ cơ quan nhà nước giải quyết chứ không phải thừa nhận là đất của ông H. Đối với phần tranh chấp có nền nhà của ông Đương, sau khi Đương dỡ nhà thì ông sử dụng làm lối đi ra lộ xe, còn lối đi trước đây hiện trạng vẫn còn nhưng bị ông H rào lại.

Ông H trình bày: Không thống nhất yêu cầu kháng cáo của ông M. Phần đất tranh chấp do cha là Đặng Minh Trạng (chết năm 1972) và mẹ là Trần Thị Giấy (chết năm 2009) khai phá từ trước năm 1975, cha chết để lại cho mẹ quản lý, ông về sử dụng đất từ năm 1982 và được mẹ cho vào khoảng năm 1990 – 1992. Khi đó ông M cũng như anh chị em khác không ai có ý kiến gì. Ông sử dụng đất đến năm 1995 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sừ dụng đất, lúc đó ông M còn chỉ ranh mốc cho đoàn đo đạc. Phần đất có nền nhà của Đặng Minh Đ là của ông, khi Đương cất nhà có hỏi xin ông, vì là cháu nên ông Đồng ý cho cất nhà buôn bán. Khi chính quyền ấp hòa giải, ông M thừa nhận là đất của ông nên kêu

ông Đương dỡ nhà. Tuy là đất của ông, nhưng là anh em nên ông vẫn cho gia đình ông M đi nhờ qua đất của ông, lối đi trước đây gia đình ông M đi hiện tại vẫn còn như hiện trạng, không có rào lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm với lý do: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông M và ông H là cụ Đặng Minh Trạng và cụ Trần Thị Giấy, khoảng năm 1993 – 1994 thì cụ Giấy chia đất cho các con và được ông M đồng ý. Năm 1995, ông H đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm luôn cả phần đất tranh chấp. Năm 1998, ông M đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai hay khiếu nại gì về việc ông H được cấp quyền sử dụng phần đất này. Quá trình sử dụng đất thì ông H đã sử dụng từ trước năm 2016, nhưng ông M không có khiếu nại hay phản ánh gì. Trên phần đất tranh chấp, ông H có trồng một số cây như tràm, sao, bạch đàn, chuối, dừa, cây bàng, điệp nhưng khi ông H trồng thì ông M không ngăn cản hay tranh chấp gì, qua đó cho thấy ông M đã thừa nhận quyền sử dụng phần đất này là của ông H. Tại phiên tòa, ông M có yêu cầu được sử dụng một phần diện tích để làm lối đi chung. Tuy nhiên yêu cầu này ông M không có khởi kiện nên sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2019, nguyên đơn ông Đặng Minh M có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Giữa ông Đặng Minh M và ông Đặng Quốc H có phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã L hòa giải không thành. Ông M có đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 134,9m^2, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[3]. Xét kháng cáo của ông của ông Đặng Minh M:

[3.1]. Phần đất tranh chấp theo các nguyên đơn trình bày và kết quả đo đạc, thẩm định theo Mảnh trích đo địa chính số 02/2019, ngày 26/02/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang có diện tích 134,9m^2 thuộc một phần thửa 166, tờ bản đồ số 8, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000107 do

Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 22/8/1995. Trong phần đất tranh chấp, có 22,1m^2 đất nằm trong phạm vi thu hồi đất để mở rộng Tỉnh lộ 930B, Ủy ban nhân dân huyện L đã có quyết định thu hồi đất nhưng sau đó đã ra quyết định sửa đổi, bổ sung, theo đó phần đất diện tích 22,1m^2 nêu trên không bị thu hồi chờ giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất là phù hợp.

[3.2]. Ông M cho rằng phần đất tranh chấp do ông khai phá trước năm 1975, không phải của cha mẹ cho, đến năm 1994 ông M cho lại ông em thứ tư là Đặng Minh T3 sử dụng được vài ngày thì ông M lấy lại giao cho ông H sử dụng theo sự động viên của mẹ là cụ Trần Thị Giấy nhưng có thỏa thuận chừa lại để sử dụng làm lối đi. Ông H cho rằng nguồn gốc phần đất là của cha mẹ là cụ Đặng Minh Trạng (chết năm 1972) và cụ Trần Thị Giấy (chết năm 2009) khai phá từ trước năm 1975, cha chết để lại cho mẹ quản lý, ông về sử dụng đất từ năm 1982 và được mẹ cho vào khoảng năm 1990 – 1992. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ông để lại cho ông từ năm trước năm 1975, trước đây là đất hoang, do ông là con lớn trong gia đình nên được cha cho đầu tiên. Lời thừa nhận của ông M cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng là anh chị em ruột của ông M và ông H như bà Đặng Thị H2, Đặng Thị C, Đặng Minh T3 và xác nhận của ông Nguyễn Chí H3 là Trưởng ấp 8, xã L là nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông H và ông M để lại. Vì vậy, ông M kháng cáo cho rằng phần đất này do ông tự khai phá là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Ông M cho rằng phần đất này do ông cho ông H nhưng có chừa lại phần đất tranh chấp làm lối đi, nhưng không được ông H thừa nhận, ông M không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh khi ông M cho đất ông H có chừa lại phần đất tranh chấp làm lối đi, trong khi thực tế ông H đang trực tiếp sử dụng đất, có trồng và quản lý những cây lấy gỗ như Tràm, Sao, Bàng và theo nhận định trên tại phần [3.2] thì nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông H và ông M tạo lập nên việc ông M cho rằng ông cho đất ông H là không có cơ sở.

[3.4]. Về việc phân chia đất cho các con: Ông M cho rằng phần đất tranh chấp ông sử dụng liên tục từ năm 1975, ông H cho rằng phần đất tranh chấp là được cha mẹ cho ông sử dụng. Lời khai của bà Đặng Thị C (bút lục 40): *Đất gốc là của cha mẹ, sau khi các em tôi là Mẫn và Hùng lấy vợ và cho ra riêng, cha mẹ có cho phần đất sử dụng nhưng không nhớ cho vào thời gian nào, diện tích bao nhiêu nhưng đất của ông M và ông H gần nhau, cho theo dây từ trong chạy dài ra tới giáp lộ, trước đây có con lộ cũ đi ngang nhà ông M, sau này mới làm lộ nhựa thì xáng múc kênh làm lộ lớn ra phía ngoài. Phần đất ông H nằm kế kênh từ trong ra giáp lộ nhựa, còn ông M có phần đất phía trong, không có sử dụng phần đất này*. Lời khai ông Đặng Minh T3 (bút lục 39) và tại phiên tòa: *Đất do cha mẹ khai phá,*

không phải do ông M khai phá, năm 1974 cha mẹ phân chia đất cho ông M, cho phần đất phía ngoài, ông M nói với mẹ là bà Giấy bây giờ để cho con vô phía trong, để phía ngoài cho ông thì bà Giấy đồng ý, nhưng ông không ở rồi sau này ông H ở cho đến nay, không có việc ông M cho đất ông H có thỏa thuận chừa lại lối đi như ông M trình bày. Lời khai bà Đặng Thị H2 (bút lục 52): *Phần đất tranh chấp là của cha mẹ, cha mẹ cho bà 02 công, cho bà C 12 công giáp ông M, cho ông T3 thì tôi không rõ, cho ông M khoảng 40 công, sau đó ông M cho lại ông T3 phần đất hiện nay ông H đang sử dụng, không rõ mấy công, do ông T3 không có điều kiện canh tác nên về sống chung với cha mẹ, vì vậy ôngT3 mới giao lại cho ông H toàn bộ phần đất giáp với ông M, lúc đó cha mẹ cũng đồng ý cho. Nên ông H được sử dụng phần đất 30 – 40 năm nay, khi cho đất có sẵn đường đi, ông M có nói là cho đất nhưng trừ lại đường đi nhưng mẹ tôi nói nếu không cho thẳng ra lộ sẽ từ ông M luôn, lúc đó ông M cũng không có ý kiến gì vì sợ mẹ buồn nên ông H mới sử dụng đất cho đến nay*. Lời khai của ông Nguyễn Chí H3 (bút lục 128 và tại biên bản ghi lời khai ngày 25/5/2020): *Nguồn gốc phần đất ông M và ông H sử dụng, tranh chấp là của ông Đặng Minh Trạng và bà Trần Thị Giấy khai phá khoảng năm 1959 – 1960. Vợ chồng ông Trạng, bà Giấy cho đất ông M và ông H sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Trước đây phía trước nhà ông M và ông H có một kênh xáng và lộ xe, đến năm 1985 – 1986 có chủ trương đào kênh L 2 và làm lộ nông thôn mới (nay là lộ 930B), do đó lộ xe trước nhà ông M, ông H không còn sử dụng. Do Tỉnh lộ 930B làm mới đi qua đất của các hộ dân khác nên đất của ông M nằm lại phía trong hậu, không có đường đi ra lộ 930B như hiện trạng đất hiện nay. Đối với nền nhà của Đặng Minh Đ trên phần đất tranh chấp, lúc hòa giải tranh chấp đất đai ở ấp giữa ông M và ông H thì ông H có nói nếu ông Đương cất nhà buôn bán thì cứ ở, nhưng không được sang bán phần đất này vì thuộc quyền sử dụng của ông. Còn ông M nói phần đất này của ông M nhưng ông và ông Đương sẽ tháo dỡ để cho nhà nước giải quyết. Phần đất này trước khi ông Đương cất nhà thì ông H sử dụng trồng chuối, sau đó ông Đương cất nhà, lúc cất nhà cũng không có tranh chấp gì vì anh em còn thuận thảo. Phần đất này từ khi ông Đương tháo dỡ bỏ trống nên ông M sử dụng làm lối đi cho đến nay.* Như vậy, lời khai của những người làm chứng trên cũng đều xác định phần đất tranh chấp là của cụ Trạng và cụ Giấy tạo lập, sau khi cụ Trạng chết thì cụ Giấy tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau đó cụ Giấy có phân chia cho các con, trong đó có ông M và ông H. Việc cụ Giấy phân chia cho các con không ai phản đối hoặc tranh chấp gì. Đối với lời khai của bà Đặng Thị H2 là vào năm 1994 ông M giao lại cho ôngT3, ôngT3 không sử dụng nên giao lại cho ông H sử dụng nhưng lại khai ông H đã sử dụng đất 30 – 40 năm là mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với những người làm chứng khác nên không khách quan. Tuy nhiên, bà H2 xác định thời điểm đó ông M vẫn đồng ý, không tranh chấp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận theo trình bày của ông M là cho đất ông H có thỏa thuận chừa lại lối đi hiện đang tranh chấp.

[3.5]. Trên thực tế thì phần đất tranh chấp tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì ông H là người đang trực tiếp sử dụng đất và kê khai đăng ký được Hội đồng đăng ký đất đai xã L xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 và Mục II Quyết định số 201 – QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công văn số 624/UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện L thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là đúng quy định pháp luật theo khoản 1, Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 là có căn cứ.

[3.6]. Đối với căn nhà của ông Đặng Minh Đ trên phần đất tranh chấp: Ông H cho rằng do ông M xin ông cho ông Đương cất nhà để buôn bán. Ông M thì cho rằng vào năm 2002 ông cho ông Đương xây cất nhưng khi phát sinh tranh chấp thì ông Đương là con của ông M lại di dời nhà đi nơi khác. Hội đồng xét xử xét thấy do quan hệ giữa ông M và ông H là anh em ruột, lời trình bày của ông M và ông H về sự kiện ông Đương cất nhà trên phần đất tranh chấp là mâu thuẫn nhau nhưng cả ông H và ông M đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, thời điểm ông Đương xây cất nhà thì anh em còn thuận thảo, đến khi phát sinh mâu thuẫn và tranh chấp đất với nhau thì ông Đương tự di dời nhà đi nơi khác, do đó việc ông Đương cất nhà trên phần đất tranh chấp không có giá trị chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông M.

[3.7]. Đối với việc ông M cho rằng ông và một số hộ dân khác có nhu cầu về lối đi ra vào lộ xe để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung hàng ngày do bị đất của ông H bao bọc, không có lối đi. Do ông M kiện đòi ông H trả lại đất cho rằng ông H lấn chiếm, không có tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Nếu thực tế ông M cũng như những hộ dân khác không có lối đi ra vào lộ thì có quyền khởi kiện ông H yêu cầu mở lối đi bằng một vụ án khác.

[3.8]. Từ những nhận định trên, xét thấy ông M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định phần đất tranh chấp là của ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm không nêu rõ việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu ông H trả lại phần đất lấn chiến diện tích 134,9m^2 nên Hội đồng xét xử bổ sung cho đầy đủ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông M là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh M.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 93/2019/DS-ST, ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh M yêu cầu bị đơn ông Đặng Quốc H trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 134,9m^2, loại đất LNK, thuộc một phần thửa 166, tờ bản đồ số 8 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000107, cấp ngày 22/8/1995 do ông Đặng Quốc H đứng tên chủ sử dụng (có lược đồ kèm theo).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Minh M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông M được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0013543 phiếu lập ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Minh M được miễn.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Đặng Minh M phải chịu số tiền 4.568.388 đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng) tiền đo đạc, thẩm định, định giá tài sản (ông M đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thanh